TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 109/2025/DS-PT
Ngày: 29/5/2025
V/v tranh chấp: *"Hợp đồng vay tài sản"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà
Các Thẩm phán:
Ông Nguyễn Văn Trường
Ông Đặng Văn Lộc
***- Thư ký phiên tòa*:**
Bà Tô Thị Út - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
***- Đại diện Viện Kiểm sát nhâm dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa*:**
Ông Phan Thanh Hào - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 13 và 29 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 44/2025/TLPT-DS, ngày 19 tháng 3 năm 2025, về việc tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản"*, do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 73/2025/QĐ-PT ngày 15 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị Cẩm H** - Sinh năm 1972 ; nơi cư trú: Ấp P, xã Đ, huyện L, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt)

- *Bị đơn*:

1/ Bà **Trương Thị Mỹ H1** - Sinh năm 1975 (Vắng mặt)

2/ Ông **Võ Hiền K** - Sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Võ Hiền K: Ông **Trần Minh N** - Sinh năm 1990; nơi cư trú: Ấp Q, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 18/4/2025 – Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Võ Hiền K: Ông **Võ Tấn T** - Luật sư của Văn phòng L thuộc Đoàn Luật sư tỉnh V (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông **Võ Hiền K** - Bị đơn

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H trình bày:*

Ngày 28/4/2024, bà Nguyễn Thị Cẩm H có cho vợ chồng bà Trương Thị Mỹ H1, ông Võ Hiền K vay số tiền 590.000.000đ để trả lãi Ngân hàng và lo chi phí sinh hoạt trong gia đình, lãi suất thỏa thuận là 5%/tháng, trả lãi vào ngày 28 mỗi tháng, thời hạn vay là 02 tháng, ông K hứa bán đất trả tiền cho bà H nhưng trong Giấy biên nhận tiền ngày 28/4/2024 chỉ để một mình bà H1 ký tên.

Sau khi vay, vợ chồng bà H1, ông K chưa đóng lãi và trả tiền vốn cho bà H. Mặc dù bà H đã nhiều lần yêu cầu bà H1, ông K trả tiền cho bà nhưng bà H1, ông K chỉ hứa hẹn mà không trả. Bà H1 và ông K đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông bà cho người khác nhưng cũng không trả tiền cho bà H.

Do đó, bà Nguyễn Thị Cẩm H yêu cầu bà Trương Thị Mỹ H1 và ông Võ Hiền K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền gốc vay 590.000.000đ và lãi suất 0,83%/tháng, tính từ ngày 28/4/2024 đến ngày 28/01/2025 (09 tháng), với số tiền lãi là 44.073.000đồng, tổng cộng gốc và lãi là 634.073.000đ; yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi bà H1 và ông K trả nợ xong. Ngoài ra, không có yêu cầu gì khác.

***** Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản trả lời ý kiến theo thông báo về việc thụ lý vụ án, không tham dự phiên hòa giải. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông K (do ông Trần Minh N đại diện) xác định ông không biết khoản vay mà bà H khởi kiện nên ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

***** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025, Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 143, 144,147, 264 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 463, 464, 466,468 của Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm H, buộc bà Trương Thị Mỹ H1 và ông Võ Hiền K có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vốn vay 590.000.000đ và lãi là 44.073.000đ, tổng cộng số tiền vốn và lãi là 634.073.000đ.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ do chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 14/02/2025, bị đơn Võ Hiền K kháng cáo Bản án sơ thẩm với nội dung đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo hướng: Bác một phần yêu cầu khởi kiện của phía nguyên đơn, không buộc ông K phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ số tiền gốc và nợ lãi cho nguyên đơn nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H vì toàn bộ khoản nợ trong vụ án này là nợ riêng của bà Trương Thị Mỹ H1.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Võ Hiền K là ông Trần Minh N xác định bị đơn vẫn giữ nguyên kháng cáo và khẳng định ông K chỉ kháng cáo phần nghĩa vụ liên đới, không kháng cáo đối với nội dung khác.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K xác định khoản nợ mà bà H yêu cầu là nợ riêng của bà H1, không phải là nợ chung của vợ chồng ông K và bà H1 vì ông K không biết khoản vay này, bà H1 vay tiền không phải để phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình theo khoản 2 Điều 37 của Luật hôn nhân và Gia đình và Gia đình năm 2014; bà H1 cũng có văn bản xác định đây là nợ riêng của bà. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông K.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm H không đồng ý với kháng cáo của ông K, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Hiền K, giữ nguyên Bản án sơ thẩm. Ông K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn Trương Thị Mỹ H1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; do đó, căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H1.

[1.2] Bà Trương Thị Mỹ H1 đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ

và hòa giải, được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa sơ thẩm nhưng bà không có bất kỳ ý kiến nào, không giao nộp tài liệu, chứng cứ và cũng không đến Tòa án theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án. Trước khi Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa, ông Võ Hiền K cũng không có ý kiến, yêu cầu gì và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được để giải quyết vụ án là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Tại cấp phúc thẩm, bà Nguyễn Thị Cẩm H cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ là file ghi âm cuộc nói chuyện giữa bà và ông Võ Hiền K khi bà tìm gặp ông K để đòi nợ. Đây là chứng cứ mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa yêu cầu bà H giao nộp. Do đó, bà H đã giao nộp chứng cứ này tại cấp phúc thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét là phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.4] Đối với bà Trương Thị Mỹ H1, trước khi Tòa án mở phiên tòa phúc thẩm, bà có cung cấp cho Tòa án Bản khai có công chứng ngày 22/5/2025. Trong bản khai này, bà trình bày rằng khoản vay 590.000.000đ là khoản vay của cá nhân bà, không phải là khoản vay của vợ chồng bà; bà H1 xác định bà vay tiền của bà H là để trả nợ cho các chủ nợ khác mà bà đã vay nặng lãi để tiêu xài cá nhân; đồng thời, bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết không buộc ông K phải có trách nhiệm liên đới cùng với bà trả nợ cho bà H. Xét thấy, bà H1 là đương sự không có kháng cáo trong vụ án; yêu cầu này của bà H1 phát sinh tại cấp phúc thẩm nên không Hội đồng xét xử có cơ sở để xem xét.

[2] Xét kháng cáo của ông Nguyễn Hiền K1 về việc yêu cầu không buộc ông có nghĩa vụ liên đới cùng bà Trương Thị Mỹ H1 trả nợ vay cho bà Nguyễn Thị Cẩm H:

[2.1] Tại Biên nhận tiền ngày 28/4/2024 ký tên Trương Thị Mỹ H1 thể hiện nội dung bà Trương Thị Mỹ H1 có nhận số tiền của bà H là 590.000.000đ, thời hạn trả là 02 tháng. Bà H khẳng định đây là khoản vay của vợ chồng ông K1, bà H1 và có yêu cầu vợ chồng ông K1, bà H1 liên đới trả cho bà số tiền nợ gốc là 590.000.000đ và số tiền lãi là 44.073.000đ, tổng cộng là 634.073.000đ. Bà H1 không có ý kiến và cũng không đưa ra chứng cứ phản đối yêu cầu này của bà H nên Hội đồng xét xử có cơ sở xác định khoản vay 590.000.000đ là khoản vay có thật và số tiền nợ gốc và lãi tổng cộng là 634.073.000đ. Ông K1 không kháng cáo về số tiền gốc, lãi này mà chỉ kháng cáo phần nghĩa vụ liên đới.

[2.2] Ông K1 và người đại diện hợp pháp của ông K1 cho rằng ông K1 không có giao dịch vay tiền với bà H, không có ký tên vào biên nhận vay tiền cùng với bà H1, ông và bà H1 đã ly thân nhau, ông không biết bà H1 vay số tiền 590.000.000đ của bà H. Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất ngày 14/5/2025, ông K1 thừa nhận sau khi bà H1 vay tiền của bà H, ông K1 có biết sự việc nhưng ông không biết bà H1 vay tiền bà H với số tiền lớn; ông xác định bà H có gặp ông để đòi nợ; ông K1 cũng thừa nhận ông và bà H1 là vợ chồng, hôn nhân vẫn

còn tồn tại; trong thời gian sống chung, ông K1 và bà H1 sống bằng nghề làm vườn (trồng cây ăn trái), thu nhập từ việc bán trái cây do bà H1 giữ, ông bà không có làm kinh tế riêng. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của ông K1 cũng thừa nhận như lời tình bày của ông K1. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định khoản tiền mà bà H1 đứng tên vay của bà H là khoản vay của vợ chồng ông K1, bà H1; khoản tiền này bà H1 vay nhằm mục đích phục vụ cho việc làm kinh tế gia đình (làm vườn) và phục vụ nhu cầu thiết yếu của gia đình, đúng như lời trình bày của bà H. Vì vậy, Bản án sơ thẩm buộc nghĩa vụ liên đới giữa ông K1 và bà H1 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên yêu cầu kháng cáo của ông K1 và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông K1 là không có cơ sở để chấp nhận.

[2.3] Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Do không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Hiền K, giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông Võ Hiền K phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Võ Hiền K.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2025/DS-ST ngày 07/02/2025 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ các điều 26, 35, 39, 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 357, 463, 464, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 và Điều 37 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 26 và Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Cẩm H.

Buộc bà Trương Thị Mỹ H1 và ông Võ Hiền K có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm H số tiền nợ gốc là 590.000.000đ (Năm trăm chín mươi triệu đồng) và số tiền lãi là 44.073.000đ (Bốn mươi bốn triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng), tổng cộng là 634.073.000đ (Sáu trăm ba mươi bốn triệu không trăm bảy mươi ba nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số

tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà Trương Thị Mỹ H1 và ông Võ HIền K phải chịu 29.362.900đ (Hai mươi chín triệu ba trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Cẩm H 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà H đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0001629, ngày 04/11/2004.

- Về án phí dân sự phúc thẩm:

Ông Võ Hiền K chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) mà ông K đã tại Chi cục thi hành án sự huyện L, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0001908, ngày 14/02/2025; ông K đã nộp đủ.

Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP . HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Long hồ;
- Chi cục THA huyện Long Hồ;
- Đ/s;
- Lưu: Tòa Dân sự; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Hồng Hà